TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Vũ Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh N ngày 26/4/2007. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Do không thể chung sống được nên anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị Thanh H.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 12/02/2011, hiện nay cháu Anh T đang ở với anh T, cháu Tuấn A đang ở với chị H. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A, anh T và chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 09/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Vũ Thị Thanh H trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh N ngày 26/4/2007. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn và thường xuyên đánh đập, xúc phạm chị. Do không chịu đựng được nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị H cũng đồng ý.

Về con chung: Chị H khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 12/02/2011, hiện nay cháu Tuấn A đang ở với chị H, cháu Anh T đang ở với anh T. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Anh T và Tuấn A, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 1.500.000 đồng, hai cháu là 3.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 06/9/2021, chị Vũ Thị Thanh H đồng ý ly hôn, đề nghị được nuôi dưỡng cháu Tuấn A, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T, chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai, về tài sản chị H không yêu cấu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T; giao cháu Anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu, giao cháu Tuấn A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của

anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị H không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Vũ Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Kết quả xác minh ngày 26/7/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị H là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị H luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh T và chị H thừa nhận, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 12/02/2011. Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Anh T, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Tuấn A. Để tránh xáo trộn về nơi ở, việc học tập và cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, do đó giao cháu Anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tuấn A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Vũ Thị Thanh H.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 13/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 12/02/2011 là con chung của anh T và chị H. Giao cháu Anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tuấn A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ *(một triệu đồng)*. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi.

Anh T, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009343 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh T còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Đoàn Thân